

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ thuộc lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; Xuất nhập khẩu; Tiêu chuẩn đo lường chất lượng; Kinh doanh khí; Công nghiệp tiêu dùng và Lưu thông hàng hoá trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Thực hiện Quyết định số 1177/QĐ-BCT ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 167/TTr-SCT ngày 03 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ thuộc lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; Xuất nhập khẩu; Tiêu chuẩn đo lường chất lượng; Kinh doanh khí; Công nghiệp tiêu dùng và Lưu thông hàng hoá trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương, cụ thể như sau:

1. Công bố 03 danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; Xuất nhập khẩu.

(Có Phụ lục I kèm theo)

2. Sửa đổi, bổ sung và thay thế 03 danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh tại số thứ tự 01, 09, 10, mục IV - lĩnh vực Xuất nhập khẩu phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi bổ sung và danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương.

(Có Phụ lục II kèm theo)

3. Bãi bỏ 62 danh mục thủ tục hành chính (Cấp tỉnh: 53 thủ tục hành chính; cấp xã: 09 thủ tục hành chính) thuộc lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng; Kinh doanh khí; Công nghiệp tiêu dùng và Lưu thông hàng hoá trong nước, cụ thể như sau:

- Tại số thứ tự 01, mục IV - lĩnh vực Chất lượng sản phẩm hàng hoá; tại số thứ tự 01, 02, 03, 04, mục VI - lĩnh vực Kinh doanh khí và tại số thứ tự 01, 02, 03 mục VII - lĩnh vực Lưu thông hàng hoá, phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 04/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực Điện lực; Công nghiệp tiêu dùng; Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; Chất lượng sản phẩm hàng hoá; Kinh doanh khí; Lưu thông hàng hoá trong nước và An toàn thực phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương.

- Tại số thứ tự 53, 54, lĩnh vực Chất lượng sản phẩm hàng hoá và tại số thứ tự 31, 32, 33, 34, 35, 36 lĩnh vực Kinh doanh khí, phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương.

- Tại số thứ tự 02, mục V - lĩnh vực Lưu thông hàng hoá trong nước; tại số thứ tự 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09 mục VIII - lĩnh vực Kinh doanh khí, phần I và tại số thứ tự 01, 02, 03, mục II - lĩnh vực Lưu thông hàng hoá trong nước, phần II, phụ lục II, ban hành kèm theo Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục

hành chính các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương.

- Tại số thứ tự 02, 03, mục X - lĩnh vực Lưu thông hàng hoá trong nước, phụ lục I và tại số thứ tự 03, mục V - lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng; tại số thứ tự 04, 05, 06, mục IV - lĩnh vực Lưu thông hàng hoá trong nước, phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ, trong các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương.

- Tại số 02, 03, 04, 06, 08, 09, 10, 11, 12, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, mục IX - lĩnh vực Kinh doanh khí; tại số 16, 17 mục X - lĩnh vực Lưu thông hàng hoá trong nước, phần A và tại số thứ tự 01, 02, 03, mục II - lĩnh vực Kinh doanh khí, phần B, phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương.

- Tại số thứ tự 04, 06, mục I - lĩnh vực Lưu thông hàng hoá trong nước, phụ lục ban hành kèm theo tại Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 17/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lưu thông hàng hoá trong nước và Quản lý bán hàng đa cấp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương.

(Có Phụ lục III kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Bộ Tư pháp (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, P. Cường.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Hậu

Phụ lục I**Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ và Xuất nhập khẩu thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ: 01 TTHC					
1	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp Mã TTHC: 2.000578	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính hoặc Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Không	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15; - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương; - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; - Quyết định số 1177/QĐ-BCT ngày 20 tháng 5 năm 2026 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
II LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU: 02 TTHC						
1	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đã có quyết định tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính hoặc Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Không	- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công thương Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	Mã TTHC: 2.001282					phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; - Quyết định số 1177/QĐ-BCT ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
2	Cấp giấy phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính hoặc Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;	Thực hiện nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.	- Luật quản lý ngoại thương ngày 01 tháng 01 năm 2018; - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	khẩu, hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài Mã TTHC: 1.013771			- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.		thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; - Quyết định số 1177/QĐ-BCT ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

Phụ lục II**Danh mục thủ tục được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Xuất nhập khẩu
thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
01	Cấp giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác Mã TTHC: 1.013771	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính hoặc Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; - Quyết định số 1177/QĐ-BCT ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
02	Cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập Mã TTHC: 1.000905	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính hoặc Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			công quốc gia.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.		của Luật Quản lý ngoại thương; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - <i>Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						- Quyết định số 1177/QĐ-BCT ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.
03	Gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hoá quá cảnh Mã TTHC: 1.013778	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	Nộp trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính hoặc Trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - <i>Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;</i> - <i>Quyết định số 1177/QĐ-BCT ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</i>

Ghi chú: Chữ nghiêng là phần sửa đổi, bổ sung./.

Phụ lục III

Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng; Kinh doanh khí; Công nghiệp tiêu dùng và Lưu thông hàng hoá trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Công Thương

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
A	CẤP TỈNH : 53 TTHC		
I	LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG		
1	2.000604.H52	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh
2	2.001675.H52	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	
3	2.001665.H52	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	
II	LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ		
4	1.000475.H52	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.
5	1.000455.H52	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG	
6	1.000742.H52	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG.	
7	2.000304.H52	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini.	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
8	1.000709.H52	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini.	
9	1.000704.H52	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	
III	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG		
10	1.004021.H52	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh
11	1.003992.H52	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	
12	2.001646.H52	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	
13	2.001630.H52	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	
14	1.004007.H52	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	
IV	LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HOÁ TRONG NƯỚC		
15	2.001424.H52	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
16	1.000510.H52	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh
17	1.000491.H52	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	
18	1.005184.H52	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	
19	1.005372.H52	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	
20	1.000649.H52	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	
21	1.000706.H52	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	
22	1.000387.H52	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	
23	2.000146.H52	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	
24	2.000142.H52	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	
25	2.000136.H52	Cấp lại Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
		doanh mua bán LPG	
26	2.000078.H52	Cấp điều chỉnh Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	
27	2.000073.H52	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	
28	2.000207.H52	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	
29	2.000201.H52	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	
30	2.000194.H52	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	
31	2.000187.H52	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	
32	2.000175.H52	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	
33	2.000196.H52	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	
34	1.000425.H52	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	
35	2.000180.H52	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
36	2.000166.H52	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	
37	2.000156.H52	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	
38	2.000390.H52	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	
39	2.000387.H52	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	
40	2.000376.H52	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	
41	2.000371.H52	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	
42	2.000354.H52	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	
43	2.000279.H52	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	
44	1.000481.H52	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	
45	2.000163.H52	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
		phương tiện vận tải	
46	1.000444.H52	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	
47	2.000211.H52	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	
48	1.003977.H52	Cấp Giấy phép phân phối rượu	
49	1.005376.H52	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu	
50	1.003101.H52	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu	
51	2.001624.H52	Cấp Giấy phép bán buôn rượu	
52	2.001619.H52	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu	
53	2.000636.H52	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu	
B	CẤP XÃ: 03 TTHC		
I	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG		
1	2.000633.H52	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công
2	1.001279.H52	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
3	2.000629.H52	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Thương
II	LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HOÁ TRONG NƯỚC		
4	2.001283.H52	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh
5	2.001270.H52	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	
6	2.001261.H52	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	
7	2.000620.H52	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	
8	2.001240.H52	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	
9	2.000615.H52	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	